

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23LC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07/03/2024Phòng thi: Đ1.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114123048	Lê Thanh	Huyền	11/12/2005	Nữ	7,5	3,8	5,7	001	<u>Huyen</u>	
2	114123092	Huỳnh Khả	Như	08/05/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	002	<u>Khà</u>	
3	114123105	Lê Hoàng	Tân	09/01/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	003	<u>Hoàng</u>	
4	114123106	Bùi Quang	Thọ	14/08/2005	Nam	/	/	/	/	/	
5	114123107	Thạch Sét	Tha	27/09/2005	Nam	/	/	/	/	/	
6	114123108	Lê Quốc	Thái	18/03/2005	Nam	7,0	5,5	6,3	005	<u>Quốc</u>	
7	114123109	Sơn Minh	Thái	22/12/2005	Nam	6,5	5,0	5,8	006	<u>Sơn</u>	
8	114123110	Chung Phương	Thanh	10/07/2005	Nữ	7,0	4,8	5,9	007	<u>Phương</u>	
9	114123111	Nguyễn Thị Hoa	Thắm	20/04/2005	Nữ	6,5	2,5	4,5	008	<u>Hoa</u>	
10	114123113	Nguyễn Trường	Thịnh	10/01/2005	Nam	7,0	5,3	6,2	009	<u>Trường</u>	
11	114123120	Hà Nguyễn Minh	Thư	29/07/2005	Nữ	7,0	4,8	5,9	010	<u>Minh</u>	
12	114123121	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	19/04/2005	Nữ	7,0	5,3	6,2	011	<u>Anh</u>	
13	114123122	Lâm Thị Anh	Thư	11/04/2005	Nữ	7,5	4,8	6,2	012	<u>Anh</u>	
14	114123123	Lê Thị Minh	Thư	16/06/2005	Nữ	8,0	4,0	6,0	013	<u>Minh</u>	
15	114123124	Nguyễn Đặng Anh	Thư	31/01/2005	Nữ	7,0	5,8	6,4	014	<u>Anh</u>	
16	114123125	Nguyễn Thị Huỳnh	Thư	27/07/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	015	<u>Huỳnh</u>	
17	114123127	Vô Văn	Tối	31/08/2005	Nam	6,5	3,3	4,9	016	<u>Vô</u>	
18	114123128	Kim Thị Thùy	Trang	16/04/2005	Nữ	7,0	4,0	5,5	020	<u>Thùy</u>	
19	114123129	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/06/2005	Nữ	6,5	5,8	6,2	017	<u>Huyền</u>	
20	114123130	Công Gia	Tráng	29/06/2005	Nam	6,5	5,0	5,8	018	<u>Tráng</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18Tổng số tờ: 18Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh ThanhCán bộ ghi điểm: Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23LC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07 / 03 / 2024Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114123131	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	14/03/2005	Nữ	6,5	3,5	5,0	001	<u>Trần</u>	
2	114123132	Lâm Thị Quyền	Trân	21/03/2005	Nữ	7,0	4,0	5,5	002	<u>Trần</u>	
3	114123133	Dương Thị Kiều	Trinh	05/06/2005	Nữ	7,5	4,0	5,8	003	<u>Trinh</u>	
4	114123135	Danh Quý	Trọng	05/05/2005	Nam	7,0	4,3	5,7	004	<u>Trọng</u>	
5	114123136	Lê Thị Kiều	Vân	03/04/2005	Nữ	7,0	3,3	5,2	005	<u>Vân</u>	
6	114123137	Nguyễn Lạc	Vĩ	19/11/2005	Nam	6,5	4,8	5,7	006	<u>q</u>	
7	114123138	Nguyễn Quốc	Việt	11/01/2005	Nam	6,5	3,5	5,0	007	<u>Quốc</u>	
8	114123139	Bành Quốc	Vũ	22/07/2005	Nam	7,0	5,0	6,0	008	<u>Vũ</u>	
9	114123141	Văn Thành	Vy	24/09/2005	Nam	7,5	3,8	5,7	009	<u>Thành</u>	
10	114123143	Trần Lê Trọng	Định	17/02/2002	Nam	7,0	4,5	5,8	010	<u>Trần</u>	
11	114123145	Nguyễn Phương	Huy	27/10/2001	Nam	7,5	3,8	5,7	011	<u>Phương</u>	
12	114123146	Ngô Ái	Mỹ	16/10/2004	Nữ	7,5	2,3	4,9	012	<u>Ái</u>	
13	114123147	Lê Thị Thu	Ngân	13/10/2005	Nữ	8,0	2,8	5,4	013	<u>Thu</u>	
14	114123148	Trần Thị Cẩm	Ngân	24/09/2002	Nữ	—	—	—	—	—	
15	114123149	Nguyễn Như	Ngọc	08/06/2004	Nữ	7,5	4,5	6,0	015	<u>Ngọc</u>	
16	114123150	Dương Thê	Nguyên	31/12/2004	Nam	6,5	3,0	4,8	016	<u>Thê</u>	
17	114123151	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	23/07/2005	Nữ	7,0	4,5	5,8	017	<u>Thảo</u>	
18	114123152	Nguyễn Thị Quế	Trân	24/09/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	018	<u>Quế</u>	
19	114123153	Trần Nguyên	Vũ	20/08/2003	Nam	—	—	—	—	—	
20	114123172	Phạm Thanh	Phong	22/12/2001	Nam	—	—	—	—	—	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17Tổng số tờ: 17Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương phụng lan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

713

ĐH.114

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23LC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐH.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	114123173	Phạm Trần Tấn Tài	31/07/2005	Nam	7,0	3,8	5,4	003	<u>AT</u>		
2	114123174	Quảng Hữu Phước	10/08/2005	Nam	7,5	5,0	6,3	004	<u>me</u>		
3	114123175	Thạch Ngọc Hải	01/01/1996	Nam	7,0	3,5	5,3	005	<u>20</u>		
4	114123176	Thạch Sết Tha	27/09/2005	Nam	7,5	3,5	5,5	006	<u>Phong</u>		
5	114123177	Thạch Tuấn Huy	15/01/1997	Nam	7,0	2,8	4,9	007	<u>hy</u>		
6	114123179	Trần Hoàng Nhân	18/10/2003	Nam	7,0	4,3	5,7	008	<u>th</u>		
7	114123180	Trần Trung Tín	16/03/2005	Nam	6,5	4,8	5,7	009	<u>th</u>		
8	114123181	Trương Thị Thúy Quyên	25/12/2003	Nữ	7,0	5,3	6,2	010	<u>Quy</u>		
9	114123182	Kim Tiến Đạt	18/08/2005	Nam	7,0	3,8	5,4	011	<u>Dev</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

J13

D71.104

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07 / 03 / 2024Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110323001	Đinh Quốc Cường	27/02/2005	Nam	6.0	4.3	5.2	001	<u>Cs</u>		
2	110323002	Nguyễn Quốc Huy	10/11/2005	Nam	6.0	4.3	5.2	002	<u>ĐB</u>		
3	110323003	Nguyễn Tấn Khoa	13/09/2005	Nam	6.5	3.0	4.8	003	<u>Th</u>		
4	110323004	Đào Anh Kiệt	14/06/2005	Nam	6.0	4.5	5.3	004	<u>AKup</u>		
5	110323005	Nguyễn Long Nhật	16/11/2005	Nam	6.0	4.5	5.3	005	<u>Ch</u>		
6	110323006	Nguyễn Thị Diễm Thúy	02/01/2005	Nữ	/	/	/	/			
7	110323008	Đỗ Phúc Vinh	12/11/2005	Nam	6.0	3.5	4.8	007	<u>JK</u>		
8	110323009	Ngô Thị Quỳnh Anh	18/08/2005	Nữ	7.0	2.8	4.9	008	<u>JK</u>		
9	110323011	Phan Thị Hồng Dung	01/10/2005	Nữ	7.0	4.3	5.7	009	<u>Dung</u>		
10	110323012	Trần Hoàng Duy	10/06/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	010	<u>Duy</u>		
11	110323013	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/03/2005	Nữ	7.0	4.0	5.5	011	<u>Duy</u>		
12	110323014	Huỳnh Hải Đăng	08/04/2005	Nam	7.5	3.5	5.5	012	<u>ĐD</u>		
13	110323015	Võ Văn Đoàn	07/12/2005	Nam	6.0	3.5	4.8	013	<u>ĐD</u>		
14	110323016	Huỳnh Thị Mỹ Hiền	19/08/2005	Nữ	7.0	4.3	5.7	014	<u>Hiền</u>		
15	110323017	Ôn Minh Hiếu	18/10/2003	Nam	6.5	4.0	5.3	015	<u>Hiền</u>		
16	110323018	Đặng Thị Thanh Hằng	18/12/2005	Nữ	7.0	3.3	5.2	016	<u>H</u>		
17	110323019	Nguyễn Nhật Huy	10/11/2005	Nam	7.5	3.0	5.3	017	<u>H</u>		
18	110323020	Dương Quốc Hưng	25/09/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	018	<u>H</u>		
19	110323021	Trương Thị Thu Hương	15/05/2005	Nữ	6.5	/	/	/			
20	110323022	Trần Tuấn Khang	08/09/2005	Nam	7.0	2.8	4.9	022	<u>JK</u>		
21	110323024	Trần Phú Lâm	26/09/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	020	<u>L</u>		
22	110323025	Lâm Khánh Linh	22/09/2004	Nam	6.0	3.8	4.9	021	<u>L</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Th Cao Dương phướcylan

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07/03/2024

Phòng thi: 071.206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110323026	Trần Công Linh	07/08/2005	Nam	7.0	2,5	4.8	002	<u>Trần Công Linh</u>		
2	110323027	Trương Khánh Lập	12/11/2005	Nam	6.5	3,5	5.0	003	<u>Trương Khánh Lập</u>		
3	110323028	Nguyễn Hoàng Nam	10/01/2005	Nam	6.0	4.0	5.0	004	<u>Nguyễn Hoàng Nam</u>		
4	110323029	Nguyễn Thị Thanh Nga	15/09/2005	Nữ	7.5	4.3	5.9	005	<u>Nguyễn Thị Thanh Nga</u>		
5	110323030	Trần Thị Tố Ngân	22/12/2005	Nữ	7.5	4.3	5.9	006	<u>Trần Thị Tố Ngân</u>		
6	110323031	Lê Thái Ngọc	20/10/2000	Nam	7.0	4.0	5.5	007	<u>Lê Thái Ngọc</u>		
7	110323032	Võ Trung Ngọc	03/06/2005	Nam	6.0	4.3	5.2	008	<u>Võ Trung Ngọc</u>		
8	110323033	Nguyễn Thị Mộng Nghi	24/12/2005	Nữ	7.5	3.3	5.4	009	<u>Nguyễn Thị Mộng Nghi</u>		
9	110323034	Lê Văn Nhựt	30/01/2005	Nam	6.0	4.5	5.3	010	<u>Lê Văn Nhựt</u>		
10	110323068	Cao Tấn Cường	20/09/2005	Nam	7.0	5.0	6.0	020	<u>Cao Tấn Cường</u>		
11	110323069	Lâm Minh Nhựt	23/01/1997	Nam	7.0	3.0	5.0	021	<u>Lâm Minh Nhựt</u>		
12	110323077	Triệu Duy Bảo	16/12/2005	Nam	6.5	2.5	4.5	022	<u>Triệu Duy Bảo</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Kết

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Kết

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Thi

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
07 / 03 / 2024

Phòng thi: 071.43

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110323037	Nguyễn Ngọc Nhi	20/08/2005	Nữ	7.0	4.5	5.8	001	<u>Đo</u>		
2	110323039	Cao Huỳnh Như	01/04/2005	Nữ	7.0	4.5	5.8	002	<u>nhu</u>		
3	110323040	Ngô Thị Huỳnh Như	10/09/2005	Nữ	/	/	/	/			
4	110323043	Bùi Phi Phạm	22/02/2005	Nam	6.5	3.5	5.0	004	<u>Ph</u>		
5	110323044	Đặng Văn Phái	19/06/2005	Nam	6.0	4.8	5.4	005	<u>Ph</u>		
6	110323045	Trần Hữu Phước	01/11/2004	Nam	6.5	4.5	5.5	006	<u>phuc</u>		
7	110323047	Nguyễn Văn Quy	08/04/2005	Nam	6.5	2.8	4.7	007	<u>Quy</u>		
8	110323048	Sơn Thị Mỹ Quyên	03/10/2005	Nữ	7.0	3.3	5.2	008	<u>MSun</u>		
9	110323049	Trần Thanh Sang	20/10/2005	Nam	7.0	/	/	/			
10	110323051	Nguyễn Văn Thắng	09/08/2005	Nam	6.5	3.8	5.2	010	<u>Ph</u>		
11	110323052	Lê Thị Thu Thảo	11/03/2005	Nữ	8.0	5.0	6.5	011	<u>thao</u>		
12	110323054	Nguyễn Thị Anh Thư	28/10/2005	Nữ	6.5	1.8	4.2	012	<u>Anh</u>		
13	110323055	Thạch Thị Minh Thư	30/11/2005	Nữ	6.0	4.5	5.3	013	<u>th</u>		
14	110323057	Nguyễn Minh Tiến	25/11/2005	Nam	7.0	4.0	5.5	014	<u>Tu</u>		
15	110323058	Lê Thị Mộng Trà	08/08/2005	Nữ	8.0	4.3	6.2	015	<u>Tr</u>		
16	110323059	Lê Thị Thùy Trang	17/12/2003	Nữ	6.5	3.5	5.0	016	<u>Tr</u>		
17	110323060	Lý Thị Thu Trang	28/04/2005	Nữ	6.0	3.0	4.5	017	<u>Trang</u>		
18	110323061	Trần Thị Huyền Trang	19/10/2003	Nữ	6.0	3.3	4.7	018	<u>Trang</u>		
19	110323062	Lê Thị Ngọc Tuyền	20/11/2005	Nữ	6.5	3.8	5.2	019	<u>Tuyen</u>		
20	110323063	Võ Nguyễn Thanh Tuyền	28/08/2004	Nữ	6.5	4.8	5.7	020	<u>th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Đo Thị Phương Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Chau Cao Dương Phụng Lan

Chau
Nguyễn Thị Lành
Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: ATN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07 / 3 / 2024

Phòng thi: DTL 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110323064	Nguyễn Mạnh	Tường	22/11/2004	Nam	7,0	4,5	5,8	001	<u>anh</u>	
2	110323065	Lê Thanh Hạo	Văn	10/09/2005	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		
3	110323070	Lâm Thị Huỳnh	Như	18/12/2005	Nữ	6,5	4,8	5,7	012	<u>nhu</u>	
4	110323072	Nguyễn Trọng	Phú	12/02/2005	Nam	6,5	3,0	4,8	013	<u>trung</u>	
5	110323073	Phạm Văn	Nhật	01/02/2005	Nam	7,0	4,5	5,8	017	<u>nhật</u>	
6	110323074	Thạch Thị Hồng Như	Hoa	15/10/2005	Nữ	6,5	3,3	4,9	018	<u>hoa</u>	
7	110323075	Trần Khánh	Hưng	09/04/2004	Nam	7,0	3,0	5,0	014	<u>hưng</u>	
8	110323076	Trần Quốc	Huy	17/12/2005	Nam	7,0	4,3	5,7	015	<u>huy</u>	
9	110323078	Võ Tấn	Đạt	25/03/2005	Nam	6,5	4,0	5,3	066	<u>dat</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Fl 3

C71.204

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TMDT

CBGD: Trần Văn Bôi (ML02)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 03 / 2024

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117623001	Sơn Ngọc	Bích	11/11/2005	Nữ	—	—	—	—		Vắng
2	117623002	Lê Huỳnh Tấn	Dù	17/10/2005	Nam	6.5	—	—	—		Vắng
3	117623003	Nguyễn Thị Hồng	Dân	26/01/2005	Nữ	7.5	5.0	6.3	003	Đ	Vắng
4	117623005	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	22/03/2005	Nữ	—	—	—	—		
5	117623006	Võ Thị Thanh	Diệu	10/06/2005	Nữ	7.0	5.5	6.3	005	Thư	
6	117623007	Nguyễn Hoàng	Gia	16/09/2005	Nam	6.5	5.8	6.2	006	C	
7	117623008	Ngô Nguyễn Quỳnh	Giao	02/06/2005	Nữ	7.0	5.0	6.0	007	Giao	
8	117623009	Trần Văn	Hà	06/02/2005	Nam	6.5	3.3	4.9	008	H	
9	117623010	Nguyễn Khánh	Hoàng	24/09/2005	Nữ	6.5	5.8	6.2	009	K	
10	117623012	Trần Lê Minh	Khánh	15/12/2005	Nữ	7.5	6.5	7.0	010	M	Vắng
11	117623013	Lâm Tuấn	Khải	16/08/2005	Nam	—	—	—	—		
12	117623014	Trần Mỹ Ngọc	Kiều	30/08/2005	Nữ	6.5	4.3	5.4	012	T	
13	117623015	Trương Thanh	Lam	30/04/2005	Nữ	7.0	4.8	5.9	013	T	
14	117623017	Dương Chí	Linh	03/11/2005	Nam	7.0	3.8	5.4	014	L	
15	117623018	Nguyễn Lê Nhã	Linh	08/09/2005	Nữ	7.0	5.3	6.2	015	N	
16	117623020	Lê Thị Xuân	Mai	05/08/2005	Nữ	8.0	3.5	5.8	016	M	
17	117623021	Huỳnh Như	Ngọc	25/05/2005	Nữ	7.0	6.0	6.5	017	N	Vắng
18	117623022	Nguyễn Trần Diễm	Ngọc	25/02/2005	Nữ	—	—	—	—		
19	117623023	Phan Thị Bảo	Ngọc	19/09/2005	Nữ	7.0	6.0	6.5	019	N	
20	117623024	Trần Bảo	Ngọc	01/01/2005	Nữ	7.0	5.3	6.2	020	N	
21	117623026	Nguyễn Thị Tuyết	Ngoan	04/05/2005	Nữ	6.5	7.3	6.9	021	T	Vắng
22	117623027	Lê Thanh	Nhi	19/06/2005	Nữ	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: —

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ coi thi 2: —

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Cán bộ kiểm tra: —

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

713

C71.205

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TMDT

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07 / 3 / 2024Phòng thi: C71.205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117623028	Trương Anh	Nhật	16/02/2005	Nam	6,5	4,3	5,4	001	<u>Lu</u>	
2	117623029	Nguyễn Dương Quỳnh	Như	19/08/2005	Nữ	7,5	5,0	6,3	002	<u>#</u>	
3	117623030	Tiết Trí	Phát	13/08/2005	Nam	6,5	3,0	4,8	003	<u>Phat</u>	
4	117623031	Kim Thanh	Sương	26/08/2005	Nam	7,5	6,0	6,8	004	<u>Koh</u>	
5	117623034	Hồ Diễm	Thúy	16/12/2005	Nữ	7,5	5,8	6,7	005	<u>Thuy</u>	
6	117623035	Thái Minh	Thư	08/10/2005	Nữ	7,5	5,5	6,5	006	<u>Thy</u>	
7	117623037	Huỳnh Chí	Toàn	15/08/2005	Nam	7,0	3,3	5,2	007	<u>Loai</u>	
8	117623038	Kim Vĩnh	Trà	06/11/2005	Nam						<u>Nghi</u>
9	117623039	Huỳnh Bửu	Trần	23/06/2005	Nữ	7,0	4,3	5,7	009	<u>Na</u>	
10	117623043	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	09/11/2005	Nữ	7,0	4,8	5,9	010	<u>Tuyen</u>	<u>48</u>
11	117623044	Kim Thị	Tươi	16/03/2005	Nữ	6,5	3,0	4,8	011	<u>Thi</u>	
12	117623046	Huỳnh Yến	Vy	12/11/2005	Nữ	6,5	4,3	5,4	012	<u>Yen</u>	
13	117623047	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	14/12/2005	Nữ	7,0	4,0	5,5	013	<u>Th</u>	
14	117623048	Nguyễn Thị Thảo	Vy	25/01/2005	Nữ	7,5	5,8	6,7	014	<u>Thy</u>	
15	117623049	Tiết Minh	Xuân	21/12/2005	Nữ	6,5	5,0	5,8	015	<u>Xuan</u>	
16	117623050	Huỳnh Ngọc Như	Ý	06/08/2005	Nữ	7,0	3,5	5,3	016	<u>Y</u>	
17	117623051	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/09/2005	Nữ	6,5	5,3	5,9	017	<u>Hai</u>	
18	117623052	Trần Thị Ngọc	Ánh	15/09/2005	Nữ	7,0	5,3	6,2	018	<u>Anh</u>	
19	117623053	Nguyễn Thị Thúy	Duyên	19/02/2004	Nữ	7,5	4,5	6,0	019	<u>Thy</u>	
20	117623054	Trương Minh	Lộc	11/01/2004	Nam	6,5	5,0	5,8	020	<u>Loc</u>	
21	117623055	Nguyễn Thị Anh	Phương	09/11/2005	Nữ	6,5	6,0	6,3	021	<u>Anh</u>	
22	117623056	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	21/02/2004	Nữ	9,0	8,5	8,8	022	<u>Quynh</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Nhân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phụng AnNguyễn Thị Linh

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

813

C71-206

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TMDT

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Các nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

07/03/2024

Phòng thi: C71-206

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117623059	Bùi Khả Vy	21/10/2005	Nữ	8,0	3,3	5,7	001	<u>Vy</u>		
2	117623060	Dương Gia Ngân	15/10/2005	Nữ	7,0	6,8	6,9	011	<u>Ngân</u>		
3	117623061	Đào Minh Nghĩa	05/01/2004	Nam							
4	117623062	Đặng Trần Thu Thủy	08/03/2005	Nữ	7,0	3,5	5,3	012	<u>Thủy</u>		
5	117623063	Đỗ Thị Thu Trang	02/05/2003	Nữ	6,5	6,3	6,4	013	<u>Trang</u>		
6	117623064	Kim Ngọc Thảo	09/05/2005	Nam	7,0	3,3	5,2	024	<u>Thảo</u>		
7	117623065	Lê Yến Nhi	24/07/2005	Nữ	7,5	6,3	6,9	0184	<u>Nhi</u>		
8	117623066	Nguyễn Nhật Long	04/10/2005	Nam	7,0	4,0	5,5	015	<u>Long</u>		
9	117623067	Phạm Minh Trí	11/10/2005	Nam	6,5	4,5	5,5	016	<u>Trí</u>		
10	117623068	Phan Thị Yến Ngọc	26/11/2005	Nữ	7,0	3,0	5,0	017	<u>Ngọc</u>		
11	117623069	Trần Thị Minh Thư	07/05/2005	Nữ	7,5	5,0	6,3	018	<u>Thư</u>		
12	117623070	Võ Anh Thư	18/07/2004	Nữ	3,5	4,5	4,0	019	<u>Anh Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Kiệt

Khuê

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 04 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Thái

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành